

ĐỀ XUẤT MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2023-2024
(Điều chỉnh theo Nghị định số: 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023)

- Căn cứ Nghị định số: 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021;
- Căn cứ Nghị định số: 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023;
- Căn cứ Bảng Dự kiến phân bổ kế hoạch đào tạo từ khóa 2023 trở về sau của Phòng Tuyển sinh - Đào tạo;
- Trong khi chờ các cơ quan chức năng có hướng dẫn mới, phòng Kế hoạch - Tài chính kính đề xuất Ban Giám hiệu về mức thu học phí năm học 2023-2024 như sau:

I. MỨC HỌC PHÍ HỆ TRUNG CẤP:

1. HỆ TRUNG CẤP CHÍNH QUY 1 năm 6 tháng (HỆ T1.5):

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Học phí 1 tháng	Học phí NH 2023-2024 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ toàn khóa	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2023-2024	Ghi chú
A	B	(1)	(2)=(1)*10	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)/(4)	(6)	(7)
1	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870.000	18.700.000	1,5	55	510.000	510.000 đ/tín chỉ	Hệ Trung cấp, 03 Học kỳ; Số tín chỉ HK1: 15 tín chỉ
2	Xây dựng	1.794.000	17.940.000	1,5	55	489.273	489.000 đ/tín chỉ	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	1.560.000	15.600.000	1,5	55	425.455	425.000 đ/tín chỉ	
4	Kinh tế, Ngoại ngữ	1.248.000	12.480.000	1,5	55	340.364	340.000 đ/tín chỉ	

2. HỆ TRUNG CẤP CHÍNH QUY 3 NĂM (HỆ T4):

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Loại hình	Học phí 1 tháng	Học phí NH 2023-2024 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ toàn khóa	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2023-2024	Ghi chú
A	B	C	(1)	(2)=(1)*10	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)/(4)	(6)	(7)
1	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	VH	420.000	4.200.000	Vừa học VH, vừa học nghề là 3 năm	56	225.000	225.000 đ/tín chỉ(VH)	- Học văn hóa: SV đóng học phí theo số tín chỉ của từng học kỳ (số tiền này không hoàn lại), Áp dụng cho tất cả các khóa. - Học nghề: SV được miễn đóng học nghề
		Nghề	1.870.000	18.700.000		65	575.385	575.000 đ/tín chỉ (HN)	
2	Xây dựng	VH	420.000	4.200.000	Vừa học VH, vừa học nghề là 3 năm	56	225.000	225.000 đ/tín chỉ(VH)	
		Nghề	1.794.000	17.940.000		65	552.000	552.000 đ/tín chỉ (HN)	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	VH	420.000	4.200.000	Vừa học VH, vừa học nghề là 3 năm	56	225.000	225.000 đ/tín chỉ(VH)	
		Nghề	1.560.000	15.600.000		65	480.000	480.000 đ/tín chỉ (HN)	
4	Kinh tế, Ngoại ngữ	VH	420.000	4.200.000	Vừa học VH, vừa học nghề là 3 năm	56	225.000	225.000 đ/tín chỉ(VH)	
		Nghề	1.248.000	12.480.000		65	384.000	384.000 đ/tín chỉ (HN)	

* **Ghi chú:** - Tổng thời gian học của SV Hệ T4 (Vừa học Văn hóa, vừa học Nghề) là 3 năm.

II. MỨC HỌC PHÍ HỆ CAO ĐẲNG:

1. HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY 3 NĂM (HỆ C1)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Mức trần học phí 1 tháng	Đề xuất mức học phí 1 tháng	Học phí NH 2023-2024 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ toàn khóa	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2023-2024	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)*10	(4)	(5)	(6)=(3)*(4)/(5)	(7)	(8)
1	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870.000	1.640.000	16.400.000	3	90	546.667	547.000 đ/tín chỉ	Hệ Cao đẳng: 06 Học kỳ; Số tín chỉ HK1:14 tín chỉ
2	Xây dựng	1.794.000	1.630.000	16.300.000	3	90	543.333	543.000 đ/tín chỉ	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	1.560.000	1.400.000	14.000.000	3	90	466.667	467.000 đ/tín chỉ	
4	Kinh tế, Ngoại ngữ	1.248.000	1.100.000	11.000.000	3	90	366.667	367.000 đ/tín chỉ	

2. CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2):

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Mức trần học phí 1 tháng	Đề xuất mức học phí 1 tháng	Học phí NH 2023-2024 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ toàn khóa	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2023-2024	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)*10	(4)	(5)	(6)=(3)*(4)/(5)	(7)	(8)
1	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870.000	1.640.000	16.400.000	2	45	728.889	729.000 đ/tín chỉ	Hệ Cao đẳng: 04 Học kỳ; Số tín chỉ HK1:10 tín chỉ
2	Xây dựng	1.794.000	1.630.000	16.300.000	2	45	724.444	724.000 đ/tín chỉ	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	1.560.000	1.400.000	14.000.000	2	45	622.222	622.000 đ/tín chỉ	
4	Kinh tế, Ngoại ngữ	1.248.000	1.100.000	11.000.000	2	45	488.889	489.000 đ/tín chỉ	

3. HỆ CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO (HỆ C3, HỆ C8):

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Học phí 1 tháng	Học phí NH 2023-2024 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2023-2024	Ghi chú
A	B	(1)	(2)=(1)*10	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)/(4)	(6)	(7)
1	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	2.186.700	21.867.000	3,0	100	656.010	656.000 đ/tín chỉ	Hệ Cao đẳng: 06 Học kỳ; Số tín chỉ HK1:14 tín chỉ
2	Xây dựng	2.173.300	21.733.000	3,0	100	651.990	652.000 đ/tín chỉ	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	1.866.700	18.667.000	3,0	100	560.010	560.000 đ/tín chỉ	
4	Kinh tế, Ngoại ngữ	1.466.700	14.667.000	3,0	100	440.010	440.000 đ/tín chỉ	

4. HỆ CAO ĐẲNG LIÊN KẾT QUỐC TẾ VỚI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CITY OF GLASGOW (HỆ C7):

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Học phí 1 tháng	Học phí NH 2023-2024 (10 Tháng)	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng số tín chỉ	Số tiền/ tín chỉ	Đề xuất thu NH 2023-2024	Ghi chú
A	B	(1)	(2)=(1)*10	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)/(4)	(6)	(7)
1	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	2.870.000	28.700.000	3	105	820.000	820.000 đ/tín chỉ	Hệ Cao đẳng: 06 Học kỳ; Số tín chỉ HK1:15 tín chỉ
2	Xây dựng	2.852.500	28.525.000	3	105	815.000	815.000 đ/tín chỉ	
3	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	2.450.000	24.500.000	3	105	700.000	700.000 đ/tín chỉ	
4	Kinh tế, Ngoại ngữ	1.925.000	19.250.000	3	105	550.000	550.000 đ/tín chỉ	

Ghi chú:

- Đề xuất mức thu học phí hệ cao đẳng (C1,C2) áp dụng theo điểm 2 điều 1 nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023..
- Đề xuất mức thu học phí hệ cao đẳng chất lượng cao (C3, C8): Học phí 1 tín chỉ hệ C3/C8 = 1,2 Học phí 1 tín chỉ hệ C1.
- Đề xuất mức thu học phí hệ cao đẳng liên kết quốc tế với trường Cao đẳng City of GlassGrow(C7): Học phí 1 tín chỉ hệ C7= 1,25 Học phí 1 tín chỉ hệ C3.

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Hữu Lộc

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

PHÒNG KẾ HOẠCH- TÀI CHÍNH


Nguyễn Kinh